

KẾT QUẢ THI CÔNG CHỨC NĂM 2020 - VÒNG 1
(Kèm theo Thông báo số: 80 /TB-HĐTD ngày 22 tháng 7 năm 2020)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
1	Nguyễn Như Nguyên An	14/06/1994	KT01	0001	Khu vực VIII	37	25	MT	
2	Nguyễn Phương Anh	21/08/1997	KT01	0002	Vụ TCCB	22	08	8	
3	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/12/1994	KT01	0003	Vụ HTQT	33	18	MT	
4	Nguyễn Phan Hiền Anh	25/08/1995	KT01	0004	Vụ HTQT	35	17	MT	
5	Lê Hoàng Anh	18/07/1995	KT01	0005	Vụ HTQT	14	11	MT	
6	Cao Thị Lan Anh	28/10/1998	KT01	0006	Chuyên ngành II	23	22	20	
7	Vũ Thị Lan Anh	08/07/1990	KT01	0008	Chuyên ngành II	33	20	20	
8	Nguyễn Đức Anh	21/05/1990	KT01	0009	Chuyên ngành II	34	18	MT	
9	Đỗ Hoàng Anh	26/08/1992	KT01	0010	Chuyên ngành II	37	19	20	
10	Dương Quỳnh Anh	26/10/1997	KT01	0011	Chuyên ngành II	24	22	24	
11	Đào Văn Anh	08/11/1997	KT01	0012	Chuyên ngành II	17	12	19	
12	Hoàng Vũ Kỳ Anh	24/11/1995	KT01	0014	Chuyên ngành III	31	18	MT	
13	Chu Hoàng Anh	18/09/1986	KT01	0015	Chuyên ngành IV	36	18	18	
14	Nguyễn Tuấn Anh	27/11/1992	KT01	0016	Chuyên ngành IV	24	14	9	
15	Lê Nguyễn Tuấn Anh	08/09/1993	KT01	0017	Khu vực III	25	20	26	
16	Nguyễn Phương Anh	23/08/1997	KT01	0018	Khu vực III	20	11	23	
17	Phạm Thị ánh	01/11/1991	KT01	0019	Vụ TCCB	41	21	22	
18	Nguyễn Ngọc ánh	06/02/1997	KT01	0020	Chuyên ngành IV	29	17	15	
19	Mai Ngọc ánh	10/01/1995	KT01	0021	Khu vực VIII	23	21	19	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
20	Vũ Xuân Bách	09/11/1993	KT01	0023	Khu vực X	23	15	20	
21	Phạm Lương Bằng	19/12/1994	KT01	0024	Chuyên ngành III	19	15	12	
22	Vũ Thị Ngọc Bích	13/05/1992	KT01	0025	Khu vực XII	27	25	21	
23	Hoàng Thị Minh Châm	05/07/1996	KT02	0027	Chuyên ngành II	18	16	10	
24	Chu Thị Kim Chi	26/02/1997	KT02	0028	Khu vực VII	30	15	16	
25	Đào Đình Chiến	27/05/1993	KT02	0029	Chuyên ngành II	6	10	10	
26	Bùi Đình Chung	02/07/1991	KT02	0030	Vụ TCCB	25	09	19	
27	Phan Quý Chung	15/04/1991	KT02	0031	Khu vực VII	28	20	18	
28	Nguyễn Thành Công	06/02/1987	KT02	0032	Khu vực VII	30	16	20	
29	Nguyễn Thị Cộg	30/10/1991	KT02	0033	Chuyên ngành II	30	18	MT	
30	Nguyễn Thị Kim Cúc	28/12/1991	KT02	0034	Vụ HTQT	28	22	MT	
31	Nguyễn Mạnh Cường	10/03/1989	KT02	0035	Vụ TCCB	29	21	16	
32	Vũ Thế Cường	13/03/1992	KT02	0036	Chuyên ngành II	51	25	24	
33	Trần Quốc Cường	17/01/1989	KT02	0037	Khu vực III	20	18	7	
34	Nguyễn Quốc Cường	14/08/1996	KT02	0039	Khu vực XII	11	MT	8	
35	Trần Viết Đán	09/08/1993	KT02	0040	Chuyên ngành II	31	21	22	
36	Phạm Minh Đức	26/11/1989	KT02	0041	Chuyên ngành II	37	22	23	
37	Phan Anh Đức	10/10/1991	KT02	0042	Chuyên ngành II	38	15	MT	
38	Phạm Anh Đức	28/03/1995	KT02	0043	Chuyên ngành II	32	19	19	
39	Võ Đức	22/02/1988	KT02	0044	Chuyên ngành IV	29	18	20	
40	Nguyễn Kim Đức	10/06/1988	KT02	0045	Khu vực VII	40	17	20	
41	Trần Xuân Đức	15/05/1997	KT02	0046	Khu vực X	35	16	17	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
42	Đỗ Minh Đức	12/11/1994	KT02	0047	Khu vực X	32	19	21	
43	Tiêu Thị Thùy Dung	10/04/1995	KT02	0048	Chuyên ngành Ia	30	15	21	
44	Lê Anh Dũng	04/02/1998	KT02	0049	Vụ TH	24	21	MT	
45	Lê Quốc Dũng	31/07/1987	KT02	0050	Chuyên ngành III	34	19	MT	
46	Trịnh Ngọc Dũng	10/02/1993	KT02	0051	Chuyên ngành IV	30	23	17	
47	Lê Đình Dũng	05/05/1990	KT03	0052	Chuyên ngành IV	33	22	20	
48	Phan Tiến Dũng	28/11/1993	KT03	0054	Khu vực VI	37	20	25	
49	Vũ Việt Dũng	07/10/1988	KT03	0055	Khu vực VI	41	17	MT	
50	Nguyễn Ngọc Dũng	08/10/1997	KT03	0056	Khu vực VII	20	17	19	
51	Đỗ Anh Dũng	31/03/1995	KT03	0057	Khu vực VII	24	14	15	
52	Trần Việt Dũng	26/01/1993	KT03	0058	Khu vực VII	33	16	20	
53	Lê Dương	27/02/1997	KT03	0059	Khu vực VII	39	20	18	
54	Hoàng Bình Dương	11/06/1992	KT03	0060	Khu vực VII	23	20	16	
55	Nguyễn Thị Thùy Dương	12/05/1996	KT03	0061	Khu vực X	31	17	22	
56	Phan Hoàng Duy	17/01/1996	KT03	0062	Khu vực III	33	17	19	
57	Nguyễn Mỹ Duyên	05/7/1997	KT03	0063	VP ĐĐT	22	16	16	
58	Lê Thị Lệ Giang	02/08/1991	KT03	0064	Chuyên ngành II	30	20	22	
59	Bùi Nam Giang	28/11/1991	KT03	0065	Khu vực VII	33	17	15	
60	Nguyễn Văn Cẩm Giang	13/12/1990	KT03	0066	Khu vực XII	33	20	20	
61	Vũ Trường Giang	04/07/1987	KT03	0067	Khu vực XII	30	15	15	
62	Đinh Công Giáp	12/12/1994	KT03	0068	Chuyên ngành II	35	22	23	
63	Tạ Thị Ngọc Hà	02/12/1991	KT03	0070	Vụ TCCB	34	16	MT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
64	Nông Thị Thanh Hà	21/09/1993	KT03	0071	Chuyên ngành II	20	22	22	
65	Nguyễn Thế Hà	22/10/1990	KT03	0072	Chuyên ngành II	24	22	16	
66	Bùi Việt Hà	17/10/1996	KT03	0073	Chuyên ngành IV	34	21	25	
67	Đỗ Mạnh Hà	30/09/1995	KT03	0074	Khu vực VII	27	19	19	
68	Dương Mạnh Hải	07/03/1997	KT03	0076	Khu vực XII	41	26	21	
69	Bùi Bích Hạnh	23/11/1991	KT04	0077	Khu vực VI	20	21	18	
70	Mạc Mỹ Hạnh	19/06/1992	KT04	0078	Khu vực VII	31	20	20	
71	Dương Hoàng Thái Hậu	13/10/1989	KT04	0079	Chuyên ngành II	20	25	25	
72	Lê Thu Hiền	16/12/1988	KT04	0080	Vụ HTQT	25	15	MT	
73	Phạm Thu Hiền	24/09/1996	KT04	0081	Vụ TH	25	12	MT	
74	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/10/1991	KT04	0082	Chuyên ngành II	21	20	11	
75	Nguyễn Thị Hiền	08/11/1990	KT04	0083	Chuyên ngành IV	20	20	18	
76	Trương Tuấn Hiệp	04/06/1994	KT04	0085	Khu vực VII	24	17	MT	
77	Trịnh Xuân Hiệp	04/12/1993	KT04	0086	Khu vực VII	19	19	MT	
78	Phạm Thị Thanh Hoa	31/03/1990	KT04	0087	Vụ HTQT	20	13	24	
79	Lại Thị Như Hoa	07/10/1994	KT04	0088	Chuyên ngành II	19	16	20	
80	Nguyễn Thị Thu Hòa	25/09/1986	KT04	0089	Chuyên ngành II	19	14	23	
81	Trần Thị Hòa	28/02/1989	KT04	0090	Chuyên ngành II	26	20	22	
82	Bùi Văn Hòa	07/07/1990	KT04	0091	Khu vực VI	32	20	MT	
83	Trịnh Đình Hoan	12/10/1989	KT04	0092	Khu vực VII	29	08	MT	
84	Nguyễn Anh Hoàng	04/09/1990	KT04	0093	Chuyên ngành II	30	24	23	
85	Nguyễn Huy Hoàng	14/04/1991	KT04	0094	Chuyên ngành II	27	21	14	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
86	Nguyễn Văn Hoàng	12/9/1994	KT04	0096	Khu vực VII	27	14	11	
87	Vũ Văn Hoàng	18/10/1996	KT04	0097	Khu vực VII	36	23	22	
88	Đỗ Huy Hoàng	05/05/1987	KT04	0098	Khu vực VII	0	04	01	
89	Vũ Tuyên Hoàng	01/02/1993	KT04	0099	Khu vực X	30	16	15	
90	Mai Huy Hoàng	09/01/1995	KT04	0100	Khu vực XII	25	14	10	
91	Phạm Ngọc Hùng	12/03/1989	KT04	0101	Chuyên ngành II	34	16	21	
92	Chu Quốc Hùng	30/01/1991	KT05	0102	Chuyên ngành II	23	18	17	
93	Ngô Quang Hùng	05/05/1995	KT05	0103	Chuyên ngành II	17	20	26	
94	Vũ Mạnh Hùng	18/08/1993	KT05	0104	Chuyên ngành IV	27	20	20	
95	Đình Ngọc Hùng	28/06/1995	KT05	0105	Chuyên ngành IV	26	18	24	
96	Trần Nguyên Hùng	14/07/1995	KT05	0106	Khu vực III	25	22	24	
97	Phí Minh Hùng	17/05/1992	KT05	0107	Khu vực VII	27	13	12	
98	Đặng Thế Hưng	28/09/1992	KT05	0108	Chuyên ngành II	29	20	14	
99	Trần Hải Hưng	07/03/1986	KT05	0109	Khu vực VI	33	22	21	
100	Phạm Lê Thu Hương	12/08/1993	KT05	0110	Chuyên ngành II	27	20	MT	
101	Ngô Lan Hương	04/05/1986	KT05	0111	Khu vực VI	16	09	13	
102	Vũ Mai Hương	11/11/1987	KT05	0112	Khu vực X	19	17	19	
103	Nguyễn Xuân Hữu	10/01/1997	KT05	0113	Khu vực III	21	22	11	
104	Vũ Đức Huy	21/11/1992	KT05	0115	Chuyên ngành II	27	21	MT	
105	Lê Nho Huy	28/06/1996	KT05	0116	Khu vực VII	33	18	20	
106	Nguyễn Quang Huy	17/01/1993	KT05	0117	Khu vực VII	35	24	24	
107	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/01/1989	KT05	0119	Vụ TH	25	11	09	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
108	Lê Thị Thương Huyền	23/11/1991	KT05	0120	Chuyên ngành II	33	20	20	
109	Nguyễn Thị Huyền	27/12/1994	KT05	0121	Chuyên ngành III	33	14	18	
110	Nguyễn Huy Huỳnh	01/02/1989	KT05	0122	Khu vực XIII	41	20	21	
111	Đỗ Phương Khánh	09/12/1996	KT05	0123	Chuyên ngành IV	27	17	MT	
112	Nguyễn Đăng Khánh	06/04/1993	KT05	0124	Khu vực XII	39	16	13	
113	Hoàng Ngọc Khánh	12/11/1996	KT05	0125	Khu vực XII	28	19	16	
114	Đặng Duy Khánh	05/06/1997	KT05	0126	Khu vực XII	36	16	19	
115	Phạm Mạnh Khoa	08/01/1990	KT06	0127	Chuyên ngành IV	35	24	16	
116	Phùng Trung Kiên	20/11/1995	KT06	0128	Chuyên ngành IV	43	20	22	
117	Vũ Trung Kiên	26/06/1987	KT06	0129	Chuyên ngành IV	26	18	19	
118	Phạm Văn Kiên	16/12/1994	KT06	0130	Khu vực VIII	31	29	19	
119	Lại Tùng Lâm	01/09/1997	KT06	0131	VP ĐĐT	32	19	27	
120	Bùi Đức Lâm	11/07/1994	KT06	0132	Khu vực VII	32	20	19	
121	Lê Đức Lâm	28/08/1990	KT06	0133	Khu vực X	24	19	21	
122	Chảo A Lâu	03/05/1994	KT06	0134	Chuyên ngành II	20	16	9	
123	Nguyễn Cẩm Lê	03/12/1991	KT06	0135	Chuyên ngành II	16	18	21	
124	Nguyễn Thạch Lễ	13/08/1990	KT06	0136	Chuyên ngành II	32	16	14	
125	Dương Ngọc Linh	25/10/1986	KT06	0137	Vụ TH	28	18	18	
126	Bùi Cẩm Linh	26/09/1995	KT06	0138	Vụ TH	40	26	22	
127	Nguyễn Thùy Linh	27/11/1997	KT06	0141	Chuyên ngành II	25	12	18	
128	Bùi Phương Linh	08/10/1997	KT06	0142	Chuyên ngành II	23	25	25	
129	Bùi Văn Linh	22/10/1987	KT06	0143	Chuyên ngành III	17	16	18	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
130	Nguyễn Tuấn Linh	31/08/1992	KT06	0144	Chuyên ngành IV	39	20	22	
131	Đào Khánh Linh	02/10/1994	KT06	0145	Khu vực VIII	34	16	17	
132	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/10/1995	KT06	0146	Khu vực VIII	35	16	19	
133	Lý Thị Thùy Linh	19/12/1994	KT06	0147	Khu vực X	24	16	MT	
134	Ngô Xuân Lộc	23/02/1995	KT06	0148	Khu vực X	32	21	23	
135	Nguyễn Thành Long	18/07/1995	KT06	0150	Chuyên ngành Ia	30	23	22	
136	Hoàng Tiến Long	24/12/1993	KT06	0151	Chuyên ngành II	34	20	MT	
137	Nguyễn Thanh Long	06/06/1995	KT07	0152	Khu vực VI	15	24	24	
138	Phạm Đăng Long	30/04/1994	KT07	0153	Khu vực VII	11	18	MT	
139	Lê Thúy Ly	24/06/1989	KT07	0155	Khu vực VII	32	17	18	
140	Thân Thị Ngọc Mai	13/06/1986	KT07	0157	Vụ HTQT	21	13	MT	
141	Nguyễn Thị Mai	18/10/1987	KT07	0158	Chuyên ngành II	23	10	MT	
142	Nguyễn Thế Mạnh	22/04/1993	KT07	0159	Chuyên ngành IV	29	15	21	
143	Nguyễn Nhật Minh	02/01/1997	KT07	0160	Chuyên ngành II	27	19	18	
144	Lê Xuân Minh	30/08/1989	KT07	0161	Chuyên ngành II	31	21	16	
145	Trần Thị Bình Minh	10/09/1994	KT07	0162	Khu vực VII	30	18	24	
146	Phạm Nhật Minh	27/10/1996	KT07	0163	Khu vực XII	29	17	22	
147	Trần Thị Mơ	14/06/1989	KT07	0164	Khu vực XII	23	17	20	
148	Vũ Giang Nam	14/05/1994	KT07	0165	Chuyên ngành II	26	24	16	
149	Bùi Đức Nam	07/12/1994	KT07	0166	Chuyên ngành II	21	17	11	
150	Cao Phương Nam	15/01/1997	KT07	0167	Chuyên ngành IV	24	20	15	
151	Dương Hải Nam	20/04/1989	KT07	0168	Khu vực VII	27	21	18	

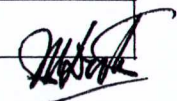
STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
152	Bùi Văn Nam	01/10/1990	KT07	0169	Khu vực VIII	32	23	23	
153	Võ Thành Nam	08/01/1987	KT07	0170	Khu vực VIII	26	20	20	
154	La Hải Nam	09/11/1996	KT07	0171	Khu vực X	31	17	23	
155	Hà Thị Thanh Nga	03/02/1989	KT07	0172	VP ĐĐT	34	17	20	
156	Hoàng Thị Nga	22/09/1992	KT07	0173	Khu vực VII	31	14	17	
157	Nguyễn Thị Diệu Ngân	10/6/1995	KT07	0174	Chuyên ngành II	19	20	19	
158	Trương Thị Lê Ngân	02/01/1996	KT07	0175	Chuyên ngành II	28	22	09	
159	Nguyễn Trọng Nghĩa	02/07/1992	KT08	0177	Chuyên ngành III	39	15	21	
160	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	03/10/1994	KT08	0179	Chuyên ngành II	23	21	MT	
161	Nguyễn Thị Bình Nguyệt	17/03/1986	KT08	0180	Vụ TCCB	35	15	17	
162	Ngô ánh Nguyệt	08/10/1987	KT08	0181	Vụ TCCB	22	15	MT	
163	Phan Thân Hoàng Nhi	30/03/1997	KT08	0182	Khu vực XII	38	25	21	
164	Bùi Thanh Nhiên	01/01/1991	KT08	0183	Khu vực VIII	24	20	13	
165	Phạm Thị Tuyết Nhung	08/03/1991	KT08	0184	Chuyên ngành II	22	MT	19	
166	Nguyễn Phương Oanh	13/05/1995	KT08	0185	Chuyên ngành II	33	14	25	
167	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/06/1989	KT08	0186	Khu vực X	33	17	18	
168	Nguyễn Tấn Phong	15/12/1996	KT08	0187	Chuyên ngành Ia	35	16	18	
169	Nguyễn Đình Phong	12/07/1992	KT08	0188	Chuyên ngành IV	30	15	9	
170	Nguyễn Hoàng Vĩnh Phúc	23/12/1996	KT08	0189	Chuyên ngành II	35	22	20	
171	Nguyễn Thọ Phúc	15/10/1990	KT08	0190	Chuyên ngành II	32	20	21	
172	Đinh Vạn Phúc	10/12/1996	KT08	0191	Khu vực VII	29	15	16	
173	Đinh Thị Hoài Phương	08/07/1994	KT08	0192	Vụ TCCB	30	20	MT	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
174	Trần Thị Mai Phương	06/05/1993	KT08	0193	Chuyên ngành Ia	18	15	20	
175	Nguyễn Thị Huyền Phương	10/6/1994	KT08	0194	Chuyên ngành II	20	17	26	
176	Phạm Thị Thu Phương	02/04/1994	KT08	0195	Chuyên ngành II	21	21	23	
177	Lê Anh Phương	12/05/1994	KT08	0196	Chuyên ngành III	17	13	18	
178	Trần Hoàng Anh Phương	20/03/1992	KT08	0197	Khu vực XIII	21	16	17	
179	Trần Minh Phương	01/10/1994	KT08	0198	Khu vực VIII	29	17	22	
180	Bùi Văn Quang	19/05/1990	KT08	0199	Chuyên ngành II	38	17	14	
181	Trần Ngọc Quang	06/10/1994	KT08	0200	Khu vực VI	33	16	23	
182	Hoàng Quý	17/03/1993	KT08	0201	Chuyên ngành II	25	19	19	
183	Trần Thị Quý	14/09/1993	KT09	0202	Khu vực VI	24	14	10	
184	Ngô Văn Quyển	02/01/1993	KT09	0203	Khu vực III	25	17	16	
185	Tăng Xuân Quyết	27/04/1993	KT09	0204	Chuyên ngành IV	30	19	MT	
186	Nguyễn Việt Sơn	15/01/1992	KT09	0205	Vụ HTQT	15	15	MT	
187	Nguyễn Đoàn Sơn	24/07/1997	KT09	0206	Chuyên ngành II	13	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
188	Dương Ngọc Sơn	12/06/1990	KT09	0207	Chuyên ngành II	39	21	22	
189	Nguyễn Hồng Sơn	25/09/1988	KT09	0208	Khu vực VII	23	21	16	
190	Đỗ Trọng Sỹ	16/07/1986	KT09	0209	Khu vực VII	18	20	19	
191	Nguyễn Tuấn Tài	17/08/1993	KT09	0210	Vụ TCCB	30	18	21	
192	Tạ Đức Tài	27/06/1993	KT09	0211	Chuyên ngành IV	39	17	MT	
193	Đàm Thị Tâm	10/08/1990	KT09	0212	Vụ TCCB	19	22	MT	
194	Nông Đức Tâm	21/09/1986	KT09	0214	Chuyên ngành IV	24	19	17	
195	Nguyễn Ngọc Thạch	04/05/1995	KT09	0215	Khu vực XIII	31	17	17	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
196	Nguyễn Lê Thái	04/12/1997	KT09	0216	Khu vực VII	25	15	20	
197	Cao Thị Thắm	23/10/1990	KT09	0218	Khu vực VII	27	09	MT	
198	Nguyễn Chiến Thắng	22/03/1992	KT09	0219	Khu vực III	28	19	18	
199	Lương Hữu Thanh	12/11/1987	KT09	0220	Chuyên ngành IV	38	25	28	
200	Nguyễn Ngọc Thành	13/11/1994	KT09	0221	Chuyên ngành II	25	12	09	
201	Nguyễn Công Thành	12/01/1994	KT09	0222	Chuyên ngành IV	27	20	17	
202	Nguyễn Huy Thành	14/03/1989	KT09	0223	Chuyên ngành IV	20	20	16	
203	Nguyễn Võ Thành	03/12/1996	KT09	0224	Chuyên ngành IV	32	20	18	
204	Nguyễn Tiến Thành	28/10/1985	KT09	0225	Chuyên ngành IV	41	23	21	
205	Phạm Vũ Thành	18/12/1991	KT09	0226	Chuyên ngành IV	31	23	MT	
206	Nguyễn Phương Thảo	06/05/1991	KT10	0227	Vụ HTQT	32	19	MT	
207	Phan Thị Phương Thảo	14/09/1997	KT10	0228	Chuyên ngành II	30	18	MT	
208	Ngô Thị Thảo	08/04/1986	KT10	0229	Chuyên ngành II	17	14	12	
209	Trịnh Xuân Thảo	18/07/1989	KT10	0230	Khu vực VII	11	19	10	
210	Nguyễn Minh Thảo	21/11/1991	KT10	0231	Khu vực XII	18	13	14	
211	Trương Đức Thế	31/03/1994	KT10	0232	Khu vực VI	35	18	24	
212	Vũ Tuấn Thiên	07/12/1997	KT10	0233	Khu vực VII	21	15	11	
213	Nguyễn Xuân Thịnh	26/07/1989	KT10	0234	Chuyên ngành II	31	18	MT	
214	Nguyễn Tiến Thịnh	06/01/1994	KT10	0235	Khu vực VII	21	20	17	
215	Nguyễn Lê Hương Thu	24/12/1994	KT10	0236	Vụ TCCB	35	25	25	
216	Lê Hà Thu	17/07/1995	KT10	0237	Chuyên ngành II	37	22	24	
217	Phạm Minh Thu	05/10/1997	KT10	0238	Chuyên ngành IV	14	19	19	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
218	Nguyễn Thị Minh Thu	03/10/1990	KT10	0239	Khu vực X	28	18	MT	
219	Trần Diệu Thuần	21/06/1995	KT10	0241	Vụ TCCB	22	13	13	
220	Nguyễn Đức Thuận	03/12/1990	KT10	0242	Chuyên ngành II	28	22	18	
221	Ngô Thị Thanh Thương	13/03/1986	KT10	0244	Khu vực VI	25	25	18	
222	Phí Thị Thúy	27/07/1990	KT10	0245	Vụ TH	40	18	20	
223	Lê Thị Thúy	02/02/1986	KT10	0246	Khu vực VII	34	15	10	BB môn TH
224	Phạm Thị Thùy	16/06/1987	KT10	0247	Vụ HTQT	24	16	MT	
225	Lê Thanh Thủy	13/08/1997	KT10	0248	Chuyên ngành IV	27	17	19	
226	Trần Hữu Tiến	23/10/1996	KT10	0249	Chuyên ngành IV	20	17	13	
227	Bùi Đình Toàn	12/09/1993	KT10	0250	Chuyên ngành II	30	18	27	
228	Trần Thị Trà	14/08/1994	KT10	0251	Khu vực VII	26	17	19	
229	Ngô Thu Trang	07/12/1996	KT11	0252	Vụ TCCB	19	18	MT	
230	Nguyễn Thị Trang	06/04/1985	KT11	0253	Vụ TCCB	34	19	17	
231	Đinh Thị Thùy Trang	17/04/1995	KT11	0254	Chuyên ngành II	21	17	19	
232	Lương Thị Thu Trang	19/09/1994	KT11	0255	Chuyên ngành II	18	13	MT	
233	Nguyễn Thị Thu Trang	08/06/1995	KT11	0256	Chuyên ngành II	30	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi
234	Vương Thu Trang	09/01/1990	KT11	0257	Chuyên ngành IV	32	15	19	
235	Ninh Thị Thùy Trang	01/12/1986	KT11	0258	Khu vực VII	29	17	MT	
236	Nguyễn Thị Minh Trang	14/07/1997	KT11	0259	Khu vực VII	26	18	18	
237	Dương Thị Trang	26/02/1991	KT11	0260	Khu vực VII	32	16	18	
238	Nguyễn Công Tráng	28/07/1995	KT11	0261	Chuyên ngành II	37	21	24	
239	Nguyễn Minh Tráng	11/04/1994	KT11	0262	Chuyên ngành III	17	15	13	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
240	Đinh Đình Trinh	26/02/1991	KT11	0263	Chuyên ngành IV	24	15	08	
241	Lê Văn Trọng	25/05/1986	KT11	0264	Khu vực XIII	42	22	19	
242	Võ Quang Trung	17/01/1988	KT11	0265	Khu vực VI	30	21	15	
243	Dương Đức Trung	11/03/1995	KT11	0266	Khu vực VII	35	18	28	
244	Đoàn Hải Trung	27/12/1995	KT11	0267	Khu vực VII	23	16	11	
245	Nguyễn Hữu Trường	24/05/1994	KT11	0268	Chuyên ngành IV	25	20	MT	
246	Nguyễn Xuân Trường	26/02/1988	KT11	0269	Chuyên ngành II	38	22	16	
247	Tạ Thanh Tú	09/12/1988	KT11	0270	Vụ TCCB	43	15	MT	
248	Hà Quang Tú	29/08/1990	KT11	0271	Chuyên ngành II	33	21	19	
249	Nguyễn Mạnh Tú	14/11/1995	KT11	0272	Chuyên ngành IV	27	18	20	
250	Vũ Minh Tú	28/04/1993	KT11	0273	Khu vực VII	23	21	17	
251	Nguyễn Văn Tú	26/09/1988	KT11	0274	Khu vực XII	31	14	14	
252	Lê Anh Tuấn	13/05/1991	KT11	0275	Khu vực XII	43	21	24	
253	Nguyễn Đức Tuấn	24/08/1996	KT11	0276	Vụ TH	29	21	13	
254	Đặng Anh Tuấn	10/5/1990	KT12	0277	Chuyên ngành IV	21	12	14	
255	Nguyễn Anh Tuấn	01/05/1996	KT12	0278	Khu vực III	33	20	20	
256	Nguyễn Đức Tuấn	28/02/1992	KT12	0279	Khu vực VIII	21	13	15	
257	Vương Đình Tuấn	03/02/1995	KT12	0280	Khu vực XII	39	20	21	
258	Văn Minh Tuấn	09/11/1989	KT12	0281	Khu vực XII	23	10	15	
259	Phạm Lâm Tùng	09/01/1994	KT12	0282	Chuyên ngành II	18	20	09	
260	Bùi Đức Tùng	03/07/1991	KT12	0283	Chuyên ngành II	26	17	21	
261	Nguyễn Lâm Tùng	29/06/1994	KT12	0284	Chuyên ngành II	24	24	17	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	PT	SBD	Đơn vị đăng ký dự thi	Kết quả thi			Ghi chú
						KTC	Tin học	Ngoại ngữ	
262	Nguyễn Văn Tùng	01/10/1995	KT12	0285	Chuyên ngành II	27	17	7	
263	Trần Sơn Tùng	08/04/1989	KT12	0286	Chuyên ngành II	26	16	17	
264	Vũ Thanh Tùng	15/02/1993	KT12	0287	Khu vực VII	31	23	25	
265	Đỗ Thị Tươi	27/06/1987	KT12	0288	Khu vực XII	20	12	16	
266	Trần Kim Tuyền	05/07/1990	KT12	0289	Chuyên ngành IV	28	18	19	
267	Lê Thị Tuyết	06/11/1994	KT12	0290	Chuyên ngành II	30	18	25	
268	Nguyễn Thị Tuyết	11/06/1986	KT12	0291	Chuyên ngành II	29	19	13	
269	Nguyễn Quang Văn	16/06/1986	KT12	0292	Chuyên ngành IV	27	25	MT	
270	Hoàng Thế Việt	04/07/1991	KT12	0293	Chuyên ngành IV	31	21	24	
271	Đào Đặng Việt	09/09/1997	KT12	0294	Khu vực X	21	21	20	
272	Trà Minh Vũ	22/11/1993	KT12	0295	Khu vực XII	37	MT	8	
273	Trịnh Diệu Xuân	13/05/1995	KT12	0296	Vụ TCCB	25	21	17	
274	Lê Thị Xuân	12/08/1987	KT12	0297	Vụ TH	24	8	13	
275	Trương Thị Xuyên	17/02/1997	KT12	0298	Khu vực VII	37	21	22	
276	Đỗ Hoàng Nhật Yên	06/08/1988	KT12	0299	Khu vực XIII	30	21	MT	
277	Chu Ngọc Yến	23/03/1990	KT12	0300	Vụ TCCB	31	14	24	
278	Trần Thị Ngọc Liên	10/09/1987	KT12	0301	Khu vực VII	24	11	23	
279	Lê Văn Tài	30/10/1988	KT12	0302	Khu vực III	20	20	15	

Ghi chú:

- Kết quả thi tương ứng với số câu trả lời đúng của từng môn: (1) Kiến thức chung (KTC): 60 câu, (2) Tin học: 30 câu, (3) Ngoại ngữ: 30 câu.
- MT: Miễn thi

**KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Hà Thị Mỹ Dung**